

BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ
HỘI-HỘI CỰU CHIẾN
BINH VIỆT NAM-BỘ TÀI
CHÍNH-BỘ QUỐC
PHÒNG

Số: 10/2007/TTLT-
BLĐTBXH-HCCBVN-
BTC-BQP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2007

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh

Căn cứ Pháp lệnh Cựu chiến binh ngày 07 tháng 10 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh (sau đây gọi tắt là Nghị định số 150/2006/NĐ-CP);

Sau khi có ý kiến của các Bộ có liên quan, Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng thống nhất hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 150/2006/NĐ-CP như sau:

I. CỰU CHIẾN BINH

Cựu chiến binh quy định tại Điều 2 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP, nay hướng dẫn làm rõ thêm nội dung quy định tại điểm b, c khoản 3 Điều 2 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP là:

Cán bộ, chiến sĩ, dân quân, tự vệ, du kích tập trung (ở Miền Bắc từ vĩ tuyến 17 trở ra, thời gian từ ngày 27 tháng 1 năm 1973 trở về trước, ở Miền Nam từ vĩ tuyến 17 trở vào, thời gian từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước) là những người đã tham gia chiến đấu ở đơn vị tập trung theo quyết định thành lập hoặc giao nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận.

II. CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CỰU CHIẾN BINH

1. Chế độ Bảo hiểm y tế đối với Cựu chiến binh theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP

a) Cựu chiến binh thuộc diện nghèo theo chuẩn do Chính phủ quy định; Cựu chiến binh đã tham gia kháng chiến từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước, không thuộc diện bảo hiểm y tế bắt buộc hoặc chưa được hưởng Bảo hiểm y tế theo các chế độ ưu đãi khác thì được Nhà nước cấp thẻ bảo hiểm y tế theo quy định hiện hành;

Quyền lợi của người được hưởng chế độ bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định của Điều lệ bảo hiểm y tế ban hành kèm theo Nghị định số 63/2005/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ;

Mức đóng bảo hiểm y tế hàng tháng bằng 3% tiền lương tối thiểu chung do ngân sách Nhà nước đảm bảo.

b) Hồ sơ, thủ tục xét hưởng chế độ bảo hiểm y tế (lập thành 02 bộ hồ sơ).

- Cá nhân đề nghị hưởng chế độ bảo hiểm y tế.

Làm bản khai đề nghị hưởng chế độ Bảo hiểm y tế thuộc đối tượng theo quy định tại Nghị định số 150/2006/NĐ-CP (mẫu 1a);

- Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức.

+ Hội Cựu chiến binh cấp xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) tiếp nhận bản khai của cá nhân Cựu chiến binh, chủ trì phối hợp với cơ quan, đoàn thể có liên quan ở địa phương thẩm định, xác nhận và lập danh sách báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp;

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra và ký công văn đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với Cựu chiến binh gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (hoặc Phòng Nội vụ - Lao động - Thương binh và Xã hội) huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện); (mẫu 2a, kèm theo danh sách mẫu 4a);

+ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chủ trì phối hợp với Hội Cựu chiến binh cùng cấp thẩm định tổng hợp danh sách đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét duyệt ký công văn gửi Sở Lao

động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh); (mẫu 3a, kèm theo danh sách mẫu 4a);

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Hội Cựu chiến binh cùng cấp tổng hợp, lập danh sách trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh duyệt ký quyết định hưởng chế độ bảo hiểm y tế; (Danh sách theo mẫu 5a, quyết định mẫu 6a);

+ Căn cứ quyết định hưởng chế độ bảo hiểm y tế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính bảo đảm kinh phí để mua thẻ bảo hiểm y tế; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội mua và cấp thẻ bảo hiểm y tế kịp thời cho Cựu chiến binh;

+ Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Tài chính giám sát việc thực hiện mua, cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với Cựu chiến binh theo đúng quy định của pháp luật;

+ Hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thống nhất với Hội Cựu chiến binh cùng cấp chỉ đạo các cấp thuộc quyền xây dựng kế hoạch phối hợp thực hiện việc rà soát điều chỉnh danh sách báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định hưởng chế độ bảo hiểm y tế đối với Cựu chiến binh.

2. Chế độ mai táng phí theo quy định tại khoản 8 Điều 5 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP

a) Cựu chiến binh đã tham gia kháng chiến từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước, khi từ trần nếu không thuộc diện hưởng chế độ mai táng phí theo Pháp lệnh Người có công và Luật Bảo hiểm xã hội thì người tổ chức mai táng được hưởng tiền mai táng phí theo quy định của pháp luật hiện hành;

Mức trợ cấp tiền mai táng phí thực hiện như các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định hiện hành (10 tháng lương tối thiểu) do ngân sách Nhà nước đảm bảo.

b) Hồ sơ, thủ tục xét hưởng chế độ mai táng phí (lập thành 02 bộ hồ sơ).

- Thân nhân người chết làm bản khai đề nghị hưởng chế độ mai táng phí gửi Hội Cựu chiến binh cấp xã (mẫu 1b).

- Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức.
- + Trường hợp người chết không còn thân nhân thì cơ quan, tổ chức, đơn vị đứng ra tổ chức mai táng làm bản khai đề nghị hưởng chế độ mai táng phí gửi Hội Cựu chiến binh cấp xã (mẫu 1b);
- + Hội Cựu chiến binh cấp xã xác nhận lập danh sách báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp;
- + Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào báo cáo của Hội Cựu chiến binh và giấy khai tử để ký công văn đề nghị hưởng chế độ mai táng phí gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện (mẫu 2b, kèm theo danh sách mẫu 4b);
- + Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chủ trì phối hợp với Hội Cựu chiến binh cùng cấp tổng hợp lập danh sách đề nghị hưởng chế độ mai táng phí báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký công văn gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh (mẫu 3b, danh sách mẫu 4b);
- + Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh chủ trì phối hợp với Hội Cựu chiến binh cùng cấp tổng hợp, lập danh sách để Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ký quyết định hưởng chế độ mai táng phí (Danh sách mẫu 5b, quyết định mẫu 6b);
- + Sở Tài chính bảo đảm nguồn kinh phí; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội thực hiện chi trả mai táng phí cho thân nhân hoặc đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Tổ chức tang lễ khi Cựu chiến binh qua đời theo quy định tại khoản 8 Điều 5 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP

- a) Cựu chiến binh và hội viên Hội Cựu chiến binh khi chết được chính quyền, cơ quan, đơn vị, đoàn thể địa phương phối hợp với Hội Cựu chiến binh và gia đình tổ chức tang lễ.
- b) Nghi thức, phân cấp tổ chức lễ tang căn cứ vào Nghị định số 62/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2001 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 114/2005/TTLT-BQP-BNV ngày 01 tháng 8 năm 2005 của Liên Bộ Quốc phòng - Bộ Nội vụ hoặc vận dụng theo điều kiện cụ thể của địa phương để tổ chức cho phù hợp.